

BẢN CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NẤU ĂN

1.	Tổng số học sinh của trường	378	Học sinh				
2.	Số học sinh cắt cơm	3	Học sinh				
3.	Số học sinh ăn sáng:	375	Học sinh	Tiền ăn:	7.000	đồng	= 2.625.000 đồng
5.	Số học sinh ăn trưa:	375	Học sinh	Tiền ăn:	23.000	đồng	= 8.625.000 đồng
6.	Số học sinh ăn tối:	375	Học sinh	Tiền ăn:	23.000	đồng	= 8.625.000 đồng
8.	Tiền thu:	19.875.000	đồng				
9.	Tiền chi lương thực, thực phẩm trong ngày:	19.875.000	đồng				
10.	Tiền thiếu:	0	đồng				

Đơn vị thực hiện :

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạo	Kg	112,5	0	0	
2	Dầu ăn	Lít	15,0	50.000	750.000	
3	Nước mắm	Lít	2,0	13.800	27.600	
4	Mỳ chính	Kg	2,0	55.000	110.000	
5	Bột canh	Kg	2,0	20.000	40.000	
6	Muối trắng	Kg		7.000	-	

7	Nước rửa bát	Lít	6,8	38.000	258.400	
8	Nước lau nhà	Lít	7,2	30.000	216.000	
9	Gas đun bếp	Kg	25,0	36.000	900.000	
10	Mỳ Tôm	Gói	375,0	4.000	1.500.000	
11	Trứng gà	Quả	375,0	3.300	1.237.500	
12	Thịt lợn kho	Kg	42,3	120.000	5.076.000	
13	Trứng gà(kho thịt)	Quả	375,0	3.300	1.237.500	
14	Đường kho thịt	Kg	1,0	25.000	25.000	
15	Cải Thảo (xào)	Kg	53,7	12.000	644.400	
16	Cải Thảo (Canh)	Kg	23,5	12.000	282.000	
17	Củ đậu trắng miệng	Kg	28,0	18.000	504.000	
18	Gà rang xả ớt	Kg	65,5	80.000	5.240.000	
19	Đậu phụ chiên	Kg	47,0	20.000	940.000	
20	Cải thảo (Canh)	Kg	21,3	12.000	255.600	
21	Củ đậu trắng miệng	Kg	28,0	18.000	504.000	
22	Củ xả	Kg	1,0	20.000	20.000	
23	Hành khô	Kg		40.000	-	
24	Ớt tươi	Kg	0,6	45.000	27.000	
25	Tỏi	Kg		40.000	-	
26	Hành lá	Kg	2,0	40.000	80.000	
					19.875.000	

